

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 11 - 2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thơi
2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1973 – vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lê Văn P1, sinh năm 1972 – vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Bé T, sinh năm 1993 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P2, xã P3, huyện T2, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2020, lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh P1 cưới nhau vào năm 1992, hôn nhân do quen biết; chị P và anh P1 tự nguyện kết hôn với nhau và có không đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng hạnh phúc khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Chị P và anh P1 có hai người con chung tên là Lê Thị Bé T, sinh ngày 04/12/1993 và Lê Thị Bé Hồng, sinh ngày 08/02/1997, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị P trình bày là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi với nhau nên chị P và anh P1 đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân anh P1 không quan tâm, chăm sóc chị P; chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P1.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

Nay chị P yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh P1
- Về con chung: Hiện nay hai người con chung đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

Bị đơn là anh P1 trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là do chị P có người đàn ông bên ngoài, anh P1 tha thứ nhiều lần nhưng chị P bỏ nhà đi đến nay không trở về đoàn tụ. Anh P1 nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nên đồng ý ly hôn với chị P.

- Về hôn nhân: Anh P1 đồng ý ly hôn với chị P.
- Về con chung: Anh P1 và chị P có hai người con chung tên là Lê Thị Bé T, sinh ngày 04/12/1993 và Lê Thị Bé Hồng, sinh ngày 08/02/1997, hiện nay đã trưởng thành nên anh P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh P1 xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Bé T trình bày: Chị Bé T là con ruột của anh P1 và chị P; cha mẹ ly hôn chị không có ý kiến gì. Nay chị Bé T xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh P1. Ngoài ra, chị Bé T không có ý kiến và yêu cầu gì khác.
- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 28/8/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh được và Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình cấp cùng ngày 04/9/1997 cấp ngày thì chị Lê Thị Bé T, sinh ngày 04/12/1993 và chị Lê Thị Bé Hồng, sinh ngày 08/02/1997 là con chung của chị P và anh P1.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất: Chị P và anh P1 thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị P yêu cầu ly hôn với anh P1 là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/10/2021 chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị P.

Ngày 05/11/2021 anh P1 có đơn yêu cầu xét xử vắng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh P1.

Ngày 05/11/2021 chị Bé T có đơn yêu cầu xét xử vắng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Bé T.

Ngày 09/10/2021 chị P có Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án về việc rút yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng với anh P1.

Ngày 09/10/2021 anh P1 có Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án về việc rút yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng với chị P.

Ngày 09/10/2021 chị Bé T có Đơn xin rút yêu cầu toàn bộ khởi kiện gửi đến Tòa án về việc rút yêu cầu đối với anh P1.

[2]. *Về yêu cầu độc lập của đương sự:*

- Ngày 09/10/2021 chị P có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung của chị với anh P1. Hội đồng xét xử, xét thấy việc rút yêu

cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của chị P là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị P theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 05/11/2021 anh P1 có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung của anh với chị P. Hội đồng xét xử, xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của anh P1 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của anh P1 theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 05/11/2021 chị Bé T có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh P1. Hội đồng xét xử, xét thấy việc rút yêu cầu của chị Bé T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị Bé T theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về hôn nhân: Chị P và anh P1 cưới nhau vào năm 1992, hôn nhân do quen biết; chị P và anh P1 tự nguyện đi đến hôn với nhau, nhưng đến nay có không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh P1 với chị P là vợ chồng.

- Về con chung: Anh P1 và chị P có hai người con chung tên là Lê Thị Bé T, sinh ngày 04/12/1993 và Lê Thị Bé Hồng, sinh ngày 08/02/1997, hiện nay đã trưởng thành nên anh P1 và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị P về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với anh P1.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh P1 về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với chị P.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về việc đòi lại tài sản đối với anh P1.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả lại cho anh P1 và chị P tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc đòi lại tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8; Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 244 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Ngọc P với anh Lê Văn P1 là vợ chồng.

- Về con chung: Anh P1 và chị P có hai người con chung tên là Lê Thị Bé T, sinh ngày 04/12/1993 và Lê Thị Bé Hồng, sinh ngày 08/02/1997, hiện nay đã trưởng thành nên anh P1 và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị P về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với anh P1.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh P1 về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với chị P.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về việc đòi lại tài sản đối với anh P1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0012489 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị P không phải nộp thêm.

- Hoàn trả lại cho chị P tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 3.994.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0010074 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Hoàn trả lại cho anh P1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P1 đã nộp là 10.489.600 đồng theo biên lai thu số N_o 0010317 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc đòi lại tài sản đối với anh P1, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 13.000.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0010337 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc P, anh Lê Văn P1 và chị Lê Thị Bé T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã P3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh